

Số: /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Hạ tầng khu dân cư Đồng Sau, thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1084/STNMT-CCBVMT ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Hạ tầng khu dân cư Đồng Sau, thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ”;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 205/TTr-STNMT ngày 18 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Hạ tầng khu dân cư Đồng Sau, thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

huyện Quỳnh Phụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn An Bài và Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Văn Hoàn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Hạ tầng khu dân cư Đồng Sau, thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ.

- Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ.

Địa chỉ: Số 215 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án:

Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư với diện tích đất 108.014,8m² phục vụ chia lô thành 406 lô đất liền kề.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Đường quy hoạch số 1 có chiều dài 473,9m; đường quy hoạch số 3 có chiều dài 307,5m; đường quy hoạch số 4 có chiều dài 457m; đường quy hoạch số 5 có chiều dài 170,3m; đường quy hoạch số 6 có chiều dài 161,50m; đường quy hoạch số 7 có chiều dài 161,50m; đường quy hoạch số 8 có chiều dài 108,3m: Bề rộng là 13,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,0m (3,0m+7,5m+3,0m);

- Đường quy hoạch số 2 có chiều dài 633,7m: Bề rộng là 20,5m, lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 5,0m (5,0m+10,5m+5,0m);

- Đường quy hoạch số 9 có chiều dài 179,2m: Bề rộng là 12,0m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè phía khu dân cư rộng 3,0m; phía hồ rộng 1,5m (3,0m + 7,5m + 1,5m);

- Đường quy hoạch số 10 có chiều dài khoảng 552,4m: Bề rộng từ 9-13m, lòng đường rộng 7,0m, vỉa hè mỗi bên trung bình rộng 1-3 m;

- Xây dựng vỉa hè rộng 4 m đường ĐH.72 đoạn đi qua khu quy hoạch.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt; mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng... khoảng 1,6 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, COD; nước thải sinh hoạt khoảng 2,5 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng 249,2 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết chất thải sinh hoạt và khu xử lý nước thải tập trung.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt 15 kg/ngày đêm.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt 883,05kg/ngày đêm.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải xây dựng 103,16 tấn; thực vật thải từ quá trình phát quang mặt bằng 9,6 tấn; đất thải từ quá trình bóc tách bề mặt khoảng 19253,82 tấn.

+ Giai đoạn vận hành: Bùn thải phát sinh từ quá trình vận hành trạm xử lý nước thải khoảng 22,38 kg/ngày đêm.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 15 kg/tháng.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 121,8 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu dân cư thuộc dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn xây dựng: Nước thải xây dựng được xử lý bằng các hố lắng tạm thời, khoảng cách tối thiểu giữa các hố từ 20-25m; nước thải sinh hoạt sử dụng 06 nhà vệ sinh di động loại 2 buồng để thu gom và lưu chứa chất thải phát sinh, định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, thu gom bằng đường cống bê tông cốt thép chịu lực, đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT cột A giá trị C thải ra mương Đồng Sau, tọa độ xả thải:

$$X(m) = 2285248.3519$$

$$Y(m) = 596328.0326$$

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom T1 → Bể tách mỡ T2 → Bể điều hòa T3 → Bể Anoxic T4 → Bể MBBR T5 → Bể Aerotank T6 → Bể lắng sinh học T7 → Bể khử trùng T8 → Nguồn tiếp nhận.

Kích thước các bể (dài x rộng x cao (m)): Bể thu gom T1 (3 x 2,5 x 4), Bể tách mỡ T2 (4 x 1,2 x 4), Bể điều hòa T3 (5,4 x 4 x 4), Bể Anoxic T4 (4 x 3,6 x 4), Bể MBBR T5 (4 x 3 x 4), Bể Aerotank T6 (5,5 x 4 x 4), Bể lắng sinh học T7 (4 x 4 x 4), Bể khử trùng T8 (3,95 x 1 x 4), Bể chứa bùn T9 (3,95 x 2,75 x 4).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Phun tưới ẩm tại các khu vực thi công, lên kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu, thi công hợp lý, che phủ thùng xe trong quá trình vận chuyển, bố trí lịch trình vận chuyển phù hợp, dọn vệ sinh, che phủ các vị trí tập kết nguyên liệu, sử dụng xe vận tải được kiểm định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Giảm thiểu mùi, khí thải từ công trình xử lý nước thải tập trung bằng việc đầu tư thiết bị xử lý khí, mùi công suất 800 m³/giờ.

Quy trình xử lý: Khí mùi → Tháp xử lý khí → thoát ra môi trường.

Kích thước hạng mục xử lý gồm: Tháp hình trụ có kích thước DxH = 1.000 x 2.500 (mm); ống thoát khí hình hộp kích thước dài x rộng x cao (mm): 190 x 160 x 1.805 (mm).

+ Trồng cây xanh xung quanh trạm xử lý nước thải.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải sinh hoạt được thu gom vào 03 thùng đựng rác thể tích 20 lít/thùng, hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, xử lý theo quy định;

+ Chất thải xây dựng: Thu gom, phân loại bán tái chế đối với chất thải có thể tái chế; chất thải không thể tái chế đổ thải tại địa điểm đã được thỏa thuận với địa phương; đất thải từ quá trình đào móng và bóc tách đất hữu cơ: Tận dụng để trồng cây xanh thuộc dự án, đắp bờ chắn cát; thực vật từ quá trình phát quang: Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý.

- Giai đoạn vận hành: Rác thải sinh hoạt được thu gom, phân loại và chứa trong thùng đựng rác gia đình, được tổ vệ sinh môi trường khu vực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; bùn thải từ trạm xử lý nước thải: Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý với đơn vị có đủ năng lực theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt, được phân loại, lưu giữ và xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Giai đoạn xây dựng: Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp; hạn chế dùng còi trong khu vực; thay thế các thiết bị không đạt kiểm định chất lượng; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, chống rung lan truyền bằng dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn hay gối đàn hồi cao su; hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu đất thực hiện dự án.

+ Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Giám sát về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Thực hiện giám sát nước thải, khí thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

5.3. Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt cột A giá trị C QCVN 14:2008 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Giám sát việc vận hành hệ thống xử lý mùi của khí thải bảo đảm đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định./.

